TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 01 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Duyên

2. Bà Bùi Thị Ngoan

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2024/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXX - ST ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Huyền T**, sinh năm 1992;

Nơi ĐKHKTT: thôn K, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: thôn SO 8.24, khu đô thị X, quận N, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Xuân Đ**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: thôn K, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang thi hành án tại Đội 7, phân trại số 1, Trại giam Nam Hà thuộc xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

ChịT và anh Đ đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/6/2013 tại UBND xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ đam mê cờ bạc sau đó bị bắt giam và xử phạt tù 22 năm 01 tháng kể từ ngày 21/7/2020 đến nay. Nay chị T xác định không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng với anh Đ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Anh T sinh ngày 23/5/2013. Ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không vay nợ chung.

** Tại bản tự khai ngày 06/11/2024, bị đơn là anh Nguyễn Xuân Đ trình bày:* về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống tại gia đình anh ở thôn K, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến thời điểm anh Đ bị bắt giam và thi hành án phạt tù 22 năm 01 tháng tại trại giam Nam Hà. Vợ chồng mâu thuẫn do anh Đ phải đi chấp hành án tù nên không quan tâm đến chị T được dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Thị Anh T sinh ngày 23/5/2013 hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Ly hôn anh Đ có nguyện vọng để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh Đ đang phải chấp hành án nên không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng anh không có tài sản chung, không vay nợ chung, không cho vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ do chị T cung cấp; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Đ, anh Đ nhất trí không có ý kiến gì.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cơ bản đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn anh Đ.

Về quan hệ con chung: Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Anh T. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chịT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã quyết định ủy thác cho Trại giam Nam Hà thu thập chứng cứ để làm rõ tình trạng hôn nhân, tài sản chung vợ chồng, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T kết hôn với anh Đ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Bình huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Đ phải thi hành án phạt tù quá dài nên vợ chồng không thể q uan tâm, chia sẻ khó khăn trong cuộc sống. Nay chị T xin ly hôn và anh Đ đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng thực tế không

còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chịT, xử cho chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Anh T sinh ngày 23/5/2013 đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Cháu T có nguyện vọng được ở với chị T. Xét thấy, con chung của vợ chồng chị T và anh Đ đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ hiện tại không có mặt tại địa phương, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị T, ý kiến của Viện kiểm sát: giao con chung Nguyễn Thị Anh T cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chung. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản chung.

[6] Về án phí: ChịT phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

2. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Anh T sinh ngày 23/5/2013. Ly hôn, giao con chung Nguyễn Thị Anh T cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai

được cản trở. Chị T và anh Đ có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị Huyền T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002252 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Trần Thị Huyền T đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị Huyền T và anh Nguyễn Xuân Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- *VKSND huyện Kiến Xương;*
- *Chi cục THADS huyện Kiến Xương;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Quang Bình ;*
- *Lưu: hồ sơ, vp.*

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Thị Thanh Xuân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 10 phút ngày 01 tháng 8 năm 2018

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị NhưT

+ Bà Đoàn Thị Duyên

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 89/2018/TLST - HNGĐ ngày 12/6/2018 về việc: *ly hôn" giữa:*

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Thiềm**, sinh năm 1979; có mặt.

Địa chỉ: thôn Bình Sơn, xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh **Vũ Văn Cửu**, sinh năm 1974;vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Bình Sơn, xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phòng giam số 02, Trại giam số 05, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

2. *Về hôn nhân*:

- Xử cho chị Đoàn Thị Thiềm được ly hôn anh Vũ Văn Cửu.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3.

3. *Về nuôi con chung*: Con chung của chị Đoàn Thị Thiềm và anh Vũ Văn Cửu đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra giải quyết

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3

4. *Về tài sản chung, nợ chung*: không có

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3.

5. *Về án phí*: Chị Đoàn Thị Thiềm phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000 ngày của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Đoàn Thị Thiềm đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3

6. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật;

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Biên bản lập xong, các thành viên HĐXX đã đọc lại và nhất trí ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân